

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
CÔNG NGHỆ CMC**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2015	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	7 - 8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	9 - 10
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	11 - 34
7. Phụ lục 01: Biến động vốn chủ sở hữu	35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy Tính Truyền thông và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần 05 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100244112 vào ngày 09 tháng 11 năm 2011.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà CMC Tower – Phố Duy Tân – Quận Cầu Giấy – Hà Nội
- Điện thoại : 04. 3 795 8989
- Fax : 04. 3 795 8668

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyên giao công nghệ;
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ, thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;
- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hà Thế Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trung Chính	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Văn Tiền	Phó Chủ tịch
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy viên
Ông Nguyễn Phước Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Ủy viên
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Ủy viên
Ông Tạ Hoàng Linh	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 07 năm 2015
Ông Nguyễn Kim Cương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 07 năm 2015
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên	
Ông Trương Thanh Phúc	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Đức Hoàng	Giám đốc quản trị

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Chính

Ngày 05 tháng 11 năm 2015

14
G
PH
C
N

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.156.274.446.589	934.212.419.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	120.161.112.316	78.178.073.117
1. Tiền	111		101.131.112.316	61.103.073.117
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.030.000.000	17.075.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		238.845.000.000	48.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	238.845.000.000	48.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		515.261.034.852	691.362.143.149
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		353.203.259.081	548.238.204.036
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		45.911.000.069	64.109.183.181
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.386.471.763
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	199.366.305.143	156.655.068.768
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(83.458.302.090)	(79.270.875.548)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		238.772.649	244.090.949
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	221.225.464.787	133.506.951.104
1. Hàng tồn kho	141		223.611.625.596	137.746.664.517
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.386.160.809)	(4.239.713.413)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60.781.834.634	31.117.251.659
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	20.374.682.057	2.787.822.686
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.193.126.873	25.416.898.383
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7	3.214.025.704	2.912.530.590
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		849.258.357.964	828.145.405.575
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.598.844.836	2.891.643.406
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	2.598.844.836	2.891.643.406
II. Tài sản cố định	220		557.197.455.892	540.093.287.702
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	514.727.043.987	493.467.307.516
<i>Nguyên giá</i>	222		758.071.453.736	702.219.981.091
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(243.344.409.749)	(208.752.673.575)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	121.596.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(121.596.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	42.470.411.905	46.625.980.186
<i>Nguyên giá</i>	228		67.136.910.249	67.088.010.249
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(24.666.498.344)	(20.462.030.063)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		141.435.699.681	130.327.750.254
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	141.435.699.681	130.327.750.254
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.567.428.883	17.564.453.976
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	20.567.428.883	17.564.453.976
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	686.417.400	686.417.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(686.417.400)	(686.417.400)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		127.458.928.672	137.268.270.237
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	121.876.083.956	130.228.963.218
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		725.965.581	610.259.884
5. Lợi thế thương mại	269		4.856.879.135	6.429.047.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.005.532.804.553	1.762.357.824.604

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		972.545.844.021	1.035.281.776.031
I. Nợ ngắn hạn	310		825.834.283.065	843.057.987.277
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		187.210.429.866	267.701.003.043
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		88.393.506.319	33.816.136.629
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	16.427.275.897	19.759.943.691
4. Phải trả người lao động	314		37.253.086.505	62.084.752.831
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	70.174.283.824	72.194.728.701
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		76.790.453.776	56.903.475.513
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	44.291.567.777	35.010.425.394
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	302.595.631.553	291.995.259.459
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.698.047.548	3.101.365.021
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	490.896.995
II. Nợ dài hạn	330		146.711.560.956	192.223.788.754
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	15.689.301.836	15.887.779.043
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	129.227.120.487	174.508.973.090
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.795.138.633	1.827.036.621
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.032.986.960.532	727.076.048.573
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	1.032.986.960.532	727.076.048.573
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		673.419.530.000	673.419.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		673.419.530.000	673.419.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		106.418.769.991	15.307.031.884
5. Cổ phiếu quỹ	415		(6.840.260.634)	(6.840.260.634)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		431.436.000	431.436.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	988.924.517
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.336.418.023	(15.299.081.895)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(14.979.390.548)	(15.299.081.895)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		49.315.808.571	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		225.221.067.152	59.068.468.701
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.005.532.804.553	1.762.357.824.604

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính



Lê Thanh Sơn

Lập, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	888.690.174.906	837.046.671.013	1.651.634.306.549	1.486.260.469.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.554.134.305	(8.170.453.452)	9.719.355.548	5.804.466.523
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		885.136.040.601	845.217.124.465	1.641.914.951.001	1.480.456.002.649
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	753.665.038.763	724.252.607.346	1.415.502.098.317	1.283.874.561.995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		131.471.001.838	120.964.517.119	226.412.852.684	196.581.440.654
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.275.201.211	2.348.489.552	7.342.309.453	4.031.184.882
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	10.214.918.249	12.527.791.468	20.028.309.963	24.288.227.010
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.297.588.025	9.855.543.951	13.258.186.205	20.148.545.782
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	2.719.025.547	1.783.266.822	4.604.176.989	4.661.305.827
9. Chi phí bán hàng	25		51.687.131.280	53.977.150.489	91.541.806.043	85.607.164.207
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		35.208.269.385	31.665.922.867	66.240.010.437	56.250.140.647
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.354.909.682	26.925.408.669	60.549.212.683	39.128.399.499

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
12. Thu nhập khác	31		2.263.635.171	7.952.762.798	5.251.037.451	8.480.760.278
13. Chi phí khác	32		269.834.491	960.108.677	1.213.798.828	1.417.130.847
14. Lợi nhuận khác	40		1.993.800.680	6.992.654.121	4.037.238.623	7.063.629.431
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.348.710.362	33.918.062.790	64.586.451.306	46.192.028.930
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.005.380.384	1.482.748.509	3.829.091.873	1.533.124.575
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(147.603.685)	1.150.447.492	(147.603.685)	1.150.447.492
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>41.490.933.663</u>	<u>31.284.866.790</u>	<u>60.904.963.118</u>	<u>43.508.456.863</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>33.791.952.355</u>	<u>28.604.151.406</u>	<u>49.315.808.572</u>	<u>40.400.487.923</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>7.698.981.308</u>	<u>2.680.715.384</u>	<u>11.589.154.546</u>	<u>3.107.968.940</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>510</u>	<u>429</u>	<u>744</u>	<u>610</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	<u>510</u>	<u>429</u>	<u>744</u>	<u>610</u>

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính

Lê Thanh Sơn

Lập ngày 05 tháng 11 năm 2015
Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.586.451.306	46.192.028.930
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		38.886.891.645	33.754.493.186
- Các khoản dự phòng	03		1.930.556.465	6.649.299.117
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(64.832.509)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		127.254.152	(2.415.115.616)
- Chi phí lãi vay	06		13.258.186.205	20.148.545.782
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		118.789.339.773	104.264.418.890
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		155.742.173.957	107.954.640.160
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(85.864.961.079)	(16.160.713.126)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(20.955.459.334)	(93.124.357.978)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.233.980.109)	(79.423.502)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.258.186.205)	(22.566.037.050)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.975.723.532)	(7.331.271.600)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		296.708.921	248.986.161
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.598.453.703)	(636.344.646)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		125.941.458.689	72.569.897.309
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(66.762.622.070)	(36.309.780.715)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(268.797.000.000)	(858.915.529)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.386.471.763	5.192.554.051
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(980.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.924.749.000	3.046.233.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	3.024.324.584
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(303.228.401.307)	(25.905.584.609)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		253.951.462.326	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.3	790.256.125.341	580.131.587.380
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.4	(824.937.605.850)	(664.048.759.826)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(20.236.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		219.269.981.817	(83.937.409.246)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		41.983.039.199	(37.273.096.546)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	78.178.073.117	95.796.892.297
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	88.056.521
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	120.161.112.316	58.611.852.272

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính

Lê Thanh Sơn



Lập, ngày 05 tháng 11 năm 2015

Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyên giao công nghệ;
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ, thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;

Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 8 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Hà Nội	Phân phối các sản phẩm CNTT	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,3%	73,2%	54,3%	73,2%
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin	88%	88%	88%	88%
Công ty TNHH CMC Blue France (*)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC (**)	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Máy tính CMS (ii)	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp phần phối máy tính	100%	100%	100%	100%

(i) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn thông qua Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC

(ii) Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Máy tính CMC thông qua Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC

(*) Công ty TNHH CMC Blue France tạm dừng hoạt động theo Quyết định số 01/2011/QĐ-CTCT ngày 14/07/2011 nên không có số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm được hợp nhất; số liệu Bảng cân đối kế toán được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2011 của Công ty TNHH CMC Blue France để hợp nhất vào Báo cáo tài chính giữa niên độ quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.

(**) Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC được thành lập theo Nghị quyết HĐQT số 11/2014/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2014 và Quyết định số 25/2014/QĐ-CTHĐQT ngày 15 tháng 07 năm 2014 của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đến thời điểm 30 tháng 9 năm 2015, Viện chưa đi vào hoạt động nên chưa có số liệu hợp nhất.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Hà Nội	49,90%	49,90%	49,90%	49,90%
Công ty Cổ phần Netnam	Hà Nội	41,14%	41,14%	41,14%	41,14%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Một số số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 không so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước do áp dụng các Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

hợp nhất giữa niên độ và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được qui đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được qui đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Qui II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được qui đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được qui đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc qui đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính toán bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các dự án đầu tư sản phẩm phần mềm đã hoàn thành và không đăng ký sở hữu trí tuệ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 03 đến 10 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	05 - 07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 10 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 07 năm

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá tỷ lệ phần trăm (%) chi phí nhân công đã phát sinh so với tổng chi phí nhân công ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Đối với tiền cước trả trước lần đầu dịch vụ FTTH và EOC của khách hàng mới phát sinh trong năm tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền cước trả trước của các khách hàng này, không thực hiện phân bổ doanh thu cho các kỳ cước tương ứng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.529.308.547	10.183.218.127
Tiền gửi ngân hàng	96.171.803.769	50.919.854.990
Tiền đang chuyển	430.000.000	
Các khoản tương đương tiền	19.030.000.000	17.075.000.000
Cộng	120.161.112.316	78.178.073.117

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	238.845.000.000	238.845.000.000	48.000.000	48.000.000
Cộng	238.845.000.000	238.845.000.000	48.000.000	48.000.000

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>						
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.228.356.000	7.339.072.883	20.567.428.883	12.248.356.000	5.316.097.976	17.564.453.976
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	4.990.000.000	1.715.323.122	6.705.323.122	4.990.000.000	791.838.907	5.781.838.907
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	5.623.749.761	12.882.105.761	7.258.356.000	4.524.259.069	11.782.615.069
Công ty TNHH Viễn thông VTCAB & CMC	980.000.000		980.000.000			
Cộng	13.228.356.000	7.339.072.883	20.567.428.883	12.248.356.000	5.316.097.976	17.564.453.976

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	686.417.400	(686.417.400)	686.417.400	(686.417.400)
Công ty TNHH Vijasgate	627.044.400	(627.044.400)	627.044.400	(627.044.400)
Công ty TNHH Phần mềm Thông Nhất	59.373.000	(59.373.000)	59.373.000	(59.373.000)
Cộng	686.417.400	(686.417.400)	686.417.400	(686.417.400)

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**3a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	199.366.305.143	(8.241.773.251)	156.655.068.768	(8.241.773.251)
Ký cược, ký quỹ	19.229.675.312		13.638.428.425	-
Tạm ứng cho nhân viên	65.119.086.073		66.154.811.468	-
Phải thu về doanh thu ước tính	86.546.608.260		49.476.923.746	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.319.513.890		4.913.852.184	-
Phải thu về tiền bán cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC	7.500.000.000		7.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.651.421.608	(8.241.773.251)	14.971.052.945	(8.241.773.251)
Cộng	199.366.305.143	(8.241.773.251)	156.655.068.768	(8.241.773.251)

3b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.598.844.836		2.891.643.406	
Ký cược, ký quỹ	2.598.844.836		2.891.643.406	
Cộng	2.598.844.836		2.891.643.406	

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải thu khách hàng	(74.857.911.770)	(70.670.485.228)
Dự phòng trả trước cho người bán	(358.617.069)	(358.617.069)
Dự phòng phải thu khác	(8.241.773.251)	(8.241.773.251)
Số cuối kỳ	(83.458.302.090)	(79.270.875.548)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			712.581.115	
Nguyên liệu, vật liệu	27.888.410.965		12.441.925.885	
Công cụ, dụng cụ	27.523.117.254		12.144.181.749	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.257.061.941		35.158.494.914	
Thành phẩm	5.865.763.311		4.916.979.949	
Hàng hóa	89.893.633.608	(2.386.160.809)	72.147.751.085	(4.239.713.413)
Hàng gửi đi bán	183.638.517		224.749.820	
Cộng	223.611.625.596	(2.386.160.809)	137.746.664.517	(4.239.713.413)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.141.799.061	210.877.174
Chi phí dịch vụ chờ phân bổ	57.615.279	411.232.426
Chi phí trích trước của dự án chưa có doanh thu	15.217.501.550	
Chi phí bảo trì hạ tầng cấp quang	317.912.700	971.208.519
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.639.853.467	1.194.504.567
Cộng	20.374.682.057	2.787.822.686

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	77.199.034.542	79.483.463.202
Tiền thuê đất	8.512.053.211	2.875.773.031
Chi phí cập nhật, nâng cấp định kỳ phần mềm diệt virus CMC	5.624.105.980	6.427.549.692
Chênh lệch giữa số tiền đầu tư và vốn góp thực nhận khi sát nhập CMC Telecom vào CMC TI	4.014.000.000	4.281.600.000
Chi phí triển khai dự án	4.546.910.471	5.816.296.204
Các chi phí trả trước dài hạn khác	21.979.979.752	31.344.281.089
Cộng	121.876.083.956	130.228.963.218

7. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	130.425.950	476.477.374
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	226.730.002	
Thuế xuất, nhập khẩu	1.468.641.209	1.497.398.290
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.364.171.889	762.286.164
Thuế thu nhập cá nhân		171.643.381
Các loại thuế khác	24.056.654	4.725.381
Cộng	3.214.025.704	2.912.530.590

14
3
HÀ
NỘI
11

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	226.727.257.691	321.120.423.202	137.776.276.343	13.721.109.749	2.874.914.106	702.219.981.091
Tăng do mua sắm mới trong kỳ	-	2.389.078.308	4.659.341.637	2.223.171.779	-	9.271.591.724
Tăng do xây dựng cơ bản	2.753.524.633	15.152.420.552	28.441.135.734	-	-	46.347.080.919
Tăng do phân loại lại	-	4.541.690.000	(4.541.690.000)	696.905.678	-	696.905.678
Tăng do mua lại tài sản tài chính				121.596.000		121.596.000
Giảm do thanh lý nhượng bán trong kỳ	-	-	(573.263.491)	(12.438.185)	-	(585.701.676)
Phân loại lại khoản mục		32.878.001		(32.878.001)		-
Số cuối kỳ	229.480.782.324	343.236.490.063	165.761.800.223	16.717.467.020	2.874.914.106	758.071.453.736
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	21.218.557.836	123.801.810.855	54.522.481.700	7.351.416.433	1.858.406.751	208.752.673.575
Khấu hao trong kỳ	2.309.678.049	19.100.817.471	11.473.101.554	1.550.986.580	260.739.710	34.695.323.364
Tăng do phân loại lại	-	-	-	486.833.173	-	486.833.173
Tăng do mua lại tài sản tài chính				121.596.000		121.596.000
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	(446.009.339)	(12.438.185)	-	(458.447.524)
Giảm khác	-	(14.875.346)	(238.693.493)	-	-	(253.568.839)
Số cuối kỳ	23.528.235.885	142.887.752.980	65.310.880.422	9.498.394.001	2.119.146.461	243.344.409.749
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	205.508.699.855	197.318.612.347	83.253.794.643	6.369.693.316	1.016.507.355	493.467.307.516
Số cuối kỳ	205.952.546.439	200.348.737.083	100.450.919.801	7.219.073.019	755.767.645	514.727.043.987

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

9. Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	30.939.433.245	3.117.036.545	26.345.333.250	6.686.207.209	67.088.010.249
Mua trong kỳ	-	-	36.000.000	-	36.000.000
Tăng do phân loại lại	-	-	12.900.000	-	12.900.000
Phân loại lại khoản mục	-	(2.565.950.000)	2.565.950.000	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	30.939.433.245	551.086.545	28.960.183.250	6.686.207.209	67.136.910.249
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.308.136.270	327.402.033	8.051.181.029	775.310.731	20.462.030.063
Khấu hao trong kỳ	1.757.615.230	44.354.328	1.964.263.829	425.334.894	4.191.568.281
Tăng do phân loại lại	-	-	12.900.000	-	12.900.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	13.065.751.500	371.756.361	10.028.344.858	1.200.645.625	24.666.498.344
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	19.631.296.975	2.789.634.512	18.294.152.221	5.910.896.478	46.625.980.186
Số cuối kỳ	17.873.681.745	179.330.184	18.931.838.392	5.485.561.584	42.470.411.905

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
- Dự án cáp quang biển APG (i)	90.822.985.011	85.974.116.129
- Dự án dự phòng và nâng cấp Core IP 2014		9.272.834.000
- Dự án CMTS tại Head end 43 Nguyễn Chí Thanh	9.145.811.000	-
- Dự án mở rộng hạ tầng Data Center CMC Tower Phạm Hùng	14.288.237.755	-
- Các dự án khác	27.178.665.915	35.080.800.125
Cộng	141.435.699.681	130.327.750.254

(i) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh tháng 12 năm 2011 giữa Tập đoàn Viễn thông Quân đội (VIETTEL), Công ty Cổ phần Viễn thông FPT Telecom và Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC, ba bên cùng tham gia góp vốn theo tỷ lệ tương ứng là 62,50%; 25,00% và 12,50% để thực hiện Dự án Cáp quang biển APG với tổng mức đầu tư theo hợp đồng là 40 triệu USD tương ứng với 840.440.000.000 VND (quy đổi theo tỷ giá Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 09/12/2011). Công ty thực hiện góp vốn theo "Thông báo đóng góp khoản đầu tư" của VIETTEL và ghi nhận trên khoản mục "Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang". Tổng giá trị góp vốn vào dự án của Công ty lũy kế đến 30/09/2015 là 90.822.985.011 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.344.209.529	4.360.432.185
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		
Thuế xuất, nhập khẩu	128.003.767	969.562.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.790.586.071	8.961.939.977
Thuế thu nhập cá nhân	3.987.981.833	3.566.213.203
Các loại thuế khác	3.176.494.697	1.901.795.338
Cộng	<u>16.427.275.897</u>	<u>19.759.943.691</u>

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>70.174.283.824</i>	<i>72.194.728.701</i>
Trích trước chi phí thuê băng thông	13.832.336.808	8.916.345.936
Chi phí dự án VMS5	1.798.717.827	3.144.303.810
Chi phí phân bổ dịch vụ 710, 1900	14.925.090.053	7.867.306.464
Chi phí dịch vụ SMS brandname	4.002.667.603	1.616.647.380
Chi phí phân chia dịch vụ EOC và dịch vụ khác	5.302.046.526	7.806.907.498
Chi phí hoa hồng đại lý thuê bao	6.146.918.957	1.382.050.526
Trích trước chi phí khấu hao	1.216.627.684	362.580.147
Chi phí dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật OLT	891.095.610	2.764.871.066
Chi phí bảo trì mạng cáp	2.755.951.284	2.165.434.769
Chi phí cước thuê kênh	5.072.720.564	2.568.288.144
Chi phí thuê cột đường sắt, trụ điện, thiết bị	1.371.847.500	2.774.737.257
Chi phí phải trả khác	12.858.263.408	30.825.255.704
Cộng	<u>70.174.283.824</u>	<u>72.194.728.701</u>

13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**13a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>44.291.567.777</i>	<i>35.010.425.394</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	19.919.112	19.919.112
Kinh phí công đoàn	1.086.787.370	648.598.763
Bảo hiểm xã hội	2.783.217.810	2.102.973.743
Bảo hiểm y tế	765.763.737	193.554.248
Bảo hiểm thất nghiệp	532.097.682	347.039.093
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	98.800.000	98.800.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	39.004.982.066	31.599.540.435
Cộng	<u>44.291.567.777</u>	<u>35.010.425.394</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	15.689.301.836	15.887.779.043
Nhận ký quỹ, ký cược	15.689.301.836	15.887.779.043
Cộng	15.689.301.836	15.887.779.043

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**14a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các đối tượng khác</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	189.291.489.558	25.883.709.901	76.820.060.000	291.995.259.459
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	776.534.880.227	10.521.922.613		787.056.802.840
Số tiền vay trả trong kỳ	(728.950.547.357)	(9.595.853.389)	(37.910.030.000)	(776.456.430.746)
Số dư cuối kỳ	236.875.822.428	26.809.779.125	38.910.030.000	302.595.631.553

14b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>
Số đầu năm	174.508.973.090
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	3.199.322.501
Số tiền vay trả trong kỳ	(48.481.175.104)
Số dư cuối kỳ	129.227.120.487

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	142.512.100.000	21,16	142.512.100.000	21,16
Công ty TNHH Đầu tư MVI	141.616.000.000	21,03	141.616.000.000	21,03
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (Geleximco)	89.039.960.000	13,22	89.039.960.000	13,22
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	33.920.000.000	5,04	33.920.000.000	5,04
Tập đoàn Bảo Việt	33.920.000.000	5,04	33.920.000.000	5,04
Các đối tượng khác	221.418.880.000	32,88	221.418.880.000	32,88
Cổ phiếu quỹ	10.992.590.000	1,63	10.992.590.000	1,63
Cộng	673.419.530.000	100,00	673.419.530.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**15c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	67.341.953	67.341.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	67.341.953	67.341.953
- Cổ phiếu phổ thông	67.341.953	67.341.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	1.099.259	1.099.259
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	66.242.694	66.242.694

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 14 tháng 7 năm 2015 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2014 của Công ty mẹ	: 1.876.403.316
• Thương Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 2014	: 1.285.596.200

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.651.634.306.549	1.486.260.469.172
Cộng	1.651.634.306.549	1.486.260.469.172

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại/Giảm giá/Trả lại hàng bán	(9.719.355.548)	(5.804.466.523)
Cộng	(9.719.355.548)	(5.804.466.523)

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	1.415.502.098.317	1.283.874.561.995
Cộng	1.415.502.098.317	1.283.874.561.995

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.535.376.474	1.331.572.616
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		1.046.233.000
Lãi bán ngoại tệ		46.922.291

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Địa chỉ: CMC Tower, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/04/2014	673.419.530.000	15.307.031.884	(6.840.260.634)	431.436.000	61.606.706	61.710.300	(95.084.424.317)	49.907.233.958	637.263.863.897
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	40.400.487.923	3.107.968.940	43.508.456.863
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	865.607.451	-	(865.607.451)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.034.048.430)	(535.972.880)	(3.570.021.310)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.573.217)	-	(2.573.217)
Số dư tại 30/09/2014	673.419.530.000	15.307.031.884	(6.840.260.634)	431.436.000	927.214.157	61.710.300	(58.586.165.492)	52.479.230.018	677.199.726.233
Số dư tại 01/04/2015	673.419.530.000	15.307.031.884	(6.840.260.634)	431.436.000	988.924.517	-	(15.299.081.895)	59.068.468.701	727.076.048.573
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	91.523.257.357	-	-	-	-	6.448.377.968	155.979.827.001	253.951.462.326
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	49.315.808.572	11.589.154.546	60.904.963.118
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7.394.464.691)	(1.416.383.096)	(8.810.847.787)
Điều chỉnh lại lãi/lỗ tại Công ty liên kết	-	(411.519.250)	-	-	(988.924.517)	-	1.400.443.767	-	(134.665.698)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(134.665.698)	-	(134.665.698)
Số dư tại 30/09/2015	673.419.530.000	106.418.769.991	(6.840.260.634)	431.436.000	-	-	34.336.418.023	225.221.067.152	1.032.986.960.532

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC**

---*---

Số: *123* /2015/CMC-VPHDQT
V/v: Giải trình biến động BCTC hợp nhất
giữa niên độ năm Tài chính 2015

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---*---

Hà Nội, ngày *05* tháng *11* năm 2015

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh**

Trước hết Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin gửi lời chào trân trọng đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh và xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của các Quý Cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ theo Điều 10 Khoản 3.2. Thông tư 52/2012/TT- CBTT Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán "...*Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình rõ nguyên nhân trong báo cáo tài chính quý đó...*", Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin giải trình về việc kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II năm 2015 (kỳ kế toán từ 01/7/2015 đến 30/9/2015) tăng so với cùng kỳ năm trước như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý II năm 2015: 41,5 tỷ; tăng 10,2 tỷ so với Quý II năm 2014.
 - Doanh thu Quý II và lũy kế 6 tháng đầu năm 2015 các lĩnh vực kinh doanh Tích hợp, Phần mềm, Viễn Thông và Phân phối lắp ráp đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Doanh thu lũy kế 6 tháng đầu năm lĩnh vực Tích hợp tăng 21%, Phần mềm tăng 13%, Viễn thông tăng 19% và Phân phối lắp ráp tăng 12%.
 - Các loại chi phí tài chính và chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp được kiểm soát ở mức tương đương so với cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC xin trân trọng giải trình

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT
- Đính kèm BCTC hợp nhất giữa niên độ năm Tài chính 2015

Người thực hiện công bố thông tin



Lê Thanh Sơn